TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Tường.
2. Ông Huỳnh Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đạt – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1978. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã A, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Phạm Minh Tr, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã A, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T:

Chị và anh Phạm Minh Tr là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2012, ngày 03/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tr đi làm xa, thỉnh thoảng mới về dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, khi về anh Tr cũng không quan tâm, chăm sóc gia đình, con chung. Mặt khác, từ năm 2021 đến nay anh đã bỏ gia đình đi nơi khác sinh sống, không còn liên lạc, bản thân chị tự nuôi con. Chị và anh Tr đã ly thân từ thời gian nói trên cho đến nay.

Nay nhận thấy quan hệ hôn nhân giữ anh chị không thể tiếp tục, chị T yêu cầu giải quyết như sau:

– Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tr;

– Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 20/12/2012 và Phạm Gia M, sinh ngày 22/7/2016, hiện các con đang sống cùng chị, do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con;

– Về tài sản chung: Không có;

– Về nợ chung: Không có.

– Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Phạm Minh Tr vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt; Bị đơn anh Phạm Minh Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T khởi kiện anh Phạm Minh Tr, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị T xác định quan hệ tranh chấp là "ly hôn, nuôi con"; anh Tr có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã A, tỉnh Đ. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Phạm Minh Tr là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2012, ngày 03/8/2012, nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắng đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tr đi làm xa, thỉnh thoảng mới về dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, khi về anh Tr cũng không quan tâm, chăm sóc gia đình, con chung. Mặt khác, từ năm 2021 đến nay anh đã bỏ gia đình đi nơi khác sinh sống, không còn liên lạc, bản thân chị tự nuôi con. Chị và anh Tr đã ly thân từ thời gian nói trên cho đến nay. Riêng đối với anh Tr, từ khi được Tòa án thông báo về việc

chị T ly hôn anh vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị T nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh Tr có 02 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 20/12/2012 và Phạm Gia M, sinh ngày 22/7/2016 hiện do chị T nuôi dưỡng ổn định. Do vậy giao con chung cho chị Lê Thị Ngọc T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu và anh Tr không tự nguyện cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T. Cho chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn anh Phạm Minh Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 20/12/2012 và Phạm Gia M, sinh ngày 22/7/2016 cho chị Lê Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Minh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005853 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã A, tỉnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

Mai Văn Hùng Cường